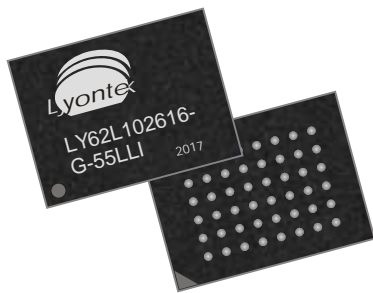


SRAMs

Asynchronous StaticRAMs



Low Power
Low Voltage
High Speed



Low Power SRAMs

Dens.	Org.	Chip select	Voltage	Item no.	Speed (ns)	Temp.	Package
64K	8k x 8	Dual CE Control (CE#,CE2)	2.7V~5.5V	LY6264	35/55/70	C/E/I	sTSOP-28, SOP-28, PDIP-28,
256K	32k x 8	Single CE Control (CE#)	2.7V~5.5V	LY62256	35/55/70	C/E/I	sTSOP-28, SOP-28, PDIP-28,
1M	128k x 8	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY621024	35/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			2.7V~3.6V	LY62L1024	35/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			2.7V~5.5V	LY62W1024	55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			1.8V	LY62S1024	45/55/70	C/E/I	coming soon
1M	64k x 16	Single CE	4.5V~5.5V	LY626416	45/55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62L6416	45/55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62W6416	55	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
2M	256k x 8	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY622568	45/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32
			2.7V~3.6V	LY62L2568	45/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			2.7V~3.6V	LY62W2568	55	C/E/I	sTSOP-32, TSOP-32,SOP-32, PDIP-32, BGA-36
2M	128k x 16	Single CE	4.5V~5.5V	LY6212816	45/55/70	C/E/I	TSOP2-48, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.6V	LY62L12816	45/55/70	C/E/I	TSOP2-48, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.6V	LY62W12816	55	C/E/I	TSOP2-48, BGA-48
		Dual CE Control (CE#, CE2)	2.7V~3.6V	LY62L12916	45/55/70	C/E/I	TSOP2-48,TSOP1-48, BGA-48
4M	512k x 8	Single CE Control (CE#)	4.5V~5.5V	LY625128	45/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP1-32, SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			2.7V~3.6V	LY62L5128	45/55/70	C/E/I	sTSOP-32, TSOP1-32, SOP-32, PDIP-32, BGA-36
			2.7V~5.5V	LY62W5128	55	C/E/I	TSOP2-32
4M	256k x 16	Single CE Control (CE#)	4.5V~5.5V	LY6225616	45/55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.6V	LY62L25616	45/55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.6V	LY62W25616	55	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Dual CE Control (CE#, CE2)	2.7V~3.6V	LY62L25716	45/55/70	C/E/I	TSOP2-48,TSOP1-48, BGA-48
8M	512k x 16	Single CE Control (CE#)	4.5V~5.5V	LY6251216	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.6V	LY62L51216	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.3V	LY62L51216	70(SL)	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Single CE Control (CE#)	2.7V~3.3V	LY62W51216	55	C/E/I	TSOP1-48, BGA-48
		Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY6251316	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Dual CE Control (CE#, CE2)	2.7V~3.6V	LY62L51316	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		Dual CE Control (CE#, CE2)	2.7V~3.6V	LY62L51316	70(SL)	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48

Low Power SRAMs

Dens.	Org.	Chip select	Voltage	Item no.	Speed (ns)	Temp.	Package
8M	1M x 8	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY6210248	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62L10248	55/70	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62W10248	55	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62L10248	70(SL)	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
16M	2M x 8	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY6220488	55/70	C/E/I	TSOP2-44
			2.7V~3.6V	LY62L20488A	55/70	C/E/I	TSOP2-44
16M	1M x 16	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY62102516	55/70	C/E/I	TSOP1-48, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62L102516	55/70	C/E/I	TSOP1-48, BGA-48
			2.7V~3.6V	LY62L102516A	55/70(SL)	C/I	BGA-48
			2.7V~5,5V	LY62W102516	55/70	C/I	TSOP1-48
16M	1M x 16 /	Dual CE Control (CE#, CE2)	4.5V~5.5V	LY62102616	55/70	C/E/I	TSOP1-48
	2M x 8		2.7V~3.6V	LY62L102616	55/70	C/E/I	TSOP1-48
			2.7V~3.6V	LY62L102616A	55/70(SL)	C/I	TSOP1-48

High Speed Low Power SRAMs

Dens.	Org.	Voltage	Item no.	Speed (ns)	Temp.	Package
64k	8k x 8	4.5V~5.5V	LY6564	20	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
		3.0V~5.5V	LY65W64	25	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
256k	32k x 8	4.5V~5.5V	LY65256	20	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
		3.0V~5.5V	LY65W256	25	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
1M	128 x 8	4.5V~5.5V	LY651024	20	C/E/I	STSOP-32, SOJ-32, TSOP1-32
		3.0V~5.5V	LY65W1024	25	C/E/I	STSOP-32, SOJ-32, TSOP1-32

High Speed SRAMs

Dens.	Org.	IsB (typ.)	Voltage	Item no.	Speed (ns)	Temp.	Package
64k	8k x 8	1.0 mA	5 V	LY6164	12 / 15	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
256k	32k x 8	0.5 mA	5 V	LY61256	12 / 15	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28, Skinny PDIP-28
		0.5 mA	3.3 V	LY61L256	12 / 15	C/E/I	STSOP-28, SOJ-28
1M	128k x 8	0.6 mA	3.3 V	LY61L1288	12 / 15	C/E/I	STSOP-32, TSOP2-32
		1.0 mA	5 V	LY611024	12 / 15	C/E/I	STSOP-32, TSOP1-32, SOJ-32
		0.6 mA	3.3 V	LY61L1024	12 / 15	C/E/I	STSOP-32, TSOP1-32, SOJ-32
1M	64k x 16	0.1 mA	5 V	LY616416	12 / 15	C/E/I	TSOP2-44
		0.6 mA	3.3 V	LY61L6416	12 / 15	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
2M	256k x 8	1.0 mA	5 V	LY612568	15/20/25	C/E/I	TSOP2-44
		0.5 mA	3.3 V	LY61L2568	20 / 25	C/E/I	TSOP2-44
2M	128k x 16	1.0 mA	5 V	LY6112816	15/20/25	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		0.5 mA	3.3 V	LY61L12816	10/12/15/20/25	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
4M	512k x 8	1.0 mA	5 V	LY615128	12 / 15	C/E/I	TSOP2-44
		0.5 mA	3.3 V	LY61L5128	20 / 25	C/E/I	TSOP2-44, BGA-36, TSOP1-32, sTSOP-32
		12 mA	3.3 V	LY61L5128	10 / 12	C/E/I	TSOP2-44
4M	256k x 16	0.1 mA	5 V	LY6125616	15 / 20	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		15 mA			12	C/E/I	TSOP2-44
		0.5 mA	3.3 V	LY61L25616	15 / 20	C/E/I	TSOP2-44, BGA-48
		12 mA			12	C/E/I	TSOP2-44
8M	1M x 8	1.0 mA	3.3 V	LY61L10248	10 / 12	C/E/I	TSOP2-44
	512k x 16	1.0 mA	3.3 V	LY61L51216	10 / 12	C/E/I	TSOP2-44

ORDERING INFORMATION

LY **62** **L** **102416** **U** **V** - **WW** **XX** **Y** **Z**

Packing Type

Blank: Tube or Tray
T: Tape Reel

Temperature Range

Blank: (Commercial) 0°C ~ 70°C
E : (Extended) -20°C ~ +80°C
I : (Industrial) -40°C ~ +85°C

Power Type

L: Low Power
LL : Ultra Low Power
SL : Special Ultra Low Power

Access Time(Speed)

Lead Information

L : Green Package

Package Type

S : 32-pin 450 mil SOP
L : 32-pin 8 mm x 20 mm TSOP-I
R : 32-pin 8 mm x 13.4 mm STSOP
G : 36-ball 6 mm x 8 mm TFBGA
P : 32-pin 600 mil P-DIP
M : 44-pin 400 mil TSOP-II

Device Number

Operating Voltage

Blank: 5V
L: 3,3 V
W: 2,7 ~ 3,3V

Product Type

61: High Speed SRAM
62: Low Power SRAM
65: High Speed Low Power SRAM

Packing Instruction

Tube and Tray Unit Quantity

Product	Description		
28 SOJ	25 ea / Tube	2,500 ea / 100 Tube / Box	10,000 ea / 4 Box / CTN
32 SOJ	22 ea / Tube	2,200 ea / 100 Tube / Box	8,800 ea / 4 Box / CTN
28 SOP	25 ea / Tube	2,500 ea / 100 Tube / Box	10,000 ea / 4 Box / CTN
32 SOP	22 ea / Tube	2,200 ea / 100 Tube / Box	8,800 ea / 4 Box / CTN
28 PDIP	15 ea / Tube	600 ea / 40 Tube / Box	2,400 ea / 4 Box / CTN
32 PDIP	13 ea / Tube	520 ea / 40 Tube / Box	2,080 ea / 4 Box / CTN
<hr/>			
28/32 STSOP	234 ea / Tray	2,340 ea / 10 Tray / Box	14,040 ea / 6 Box / CTN
28/32 TSOP-I	156 ea / Tray	1,560 ea / 10 Tray / Box	9,360 ea / 6 Box / CTN
48 TSOP-I	96 ea / Tray	960 ea / 10 Tray / Box	3,840 ea / 6 Box / CTN
32 TSOP-II	117 ea / Tray	1,170 ea / 10 Tray / Box	7,020 ea / 6 Box / CTN
44 TSOP-II	135 ea / Tray	1,350 ea / 10 Tray / Box	8,100 ea / 6 Box / CTN
36B/48B TFBGA	480 ea / Tray	4,800 ea / 10 Tray / Box	28,800 ea / 6 Box / CTN

Tape and Reel Unit Quantity

Product	Description		
8/10 MSOP	3,000 ea / Reel	1 Reel / Box	15,000 ea / 5 Box / CTN
8/14/16 SOP	2,500 ea / Reel	1 Reel / Box	12,500 ea / 5 Box / CTN
28/32 SOP	1,000 ea / Reel	1 Reel / Box	5,000 ea / 5 Box / CTN
28/32 SOJ	1,000 ea / Reel	1 Reel / Box	5,000 ea / 5 Box / CTN
14/20 TSSOP	3,000 ea / Reel	1 Reel / Box	15,000 ea / 5 Box / CTN
28/32 STSOP	1,500 ea / Reel	1 Reel / Box	7,500 ea / 5 Box / CTN
28/32/48 TSOP-I	1,500 ea / Reel	1 Reel / Box	7,500 ea / 5 Box / CTN
32 TSOP-II	1,000 ea / Reel	1 Reel / Box	5,000 ea / 5 Box / CTN
44 TSOP-II	1,000 ea / Reel	1 Reel / Box	5,000 ea / 5 Box / CTN
36B/48B TFBGA	2,000 ea / Reel	1 Reel / Box	10,000 ea / 5 Box / CTN
8/10 DFN	3,000 ea / Reel	1 Reel / Box	15,000 ea / 5 Box / CTN
16 QFN	3,000 ea / Reel	1 Reel / Box	15,000 ea / 5 Box / CTN
9B/18B WCSP	3,000 ea / Reel	1 Reel / Box	15,000 ea / 5 Box / CTN